

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DSST

Ngày: 31-10-2019

Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Minh Châu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Từ Anh Tuấn;

2/ Bà Trần Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An tỉnh Bình Dương.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-DS ngày 24/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2019/QĐST-DS ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm 1968; chức vụ; Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1996; địa chỉ: Tầng 2, 96 C, Phường 04, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/4/2019), có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Lê H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 115/2B Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày: Vào năm 2017 bà Trần Thị Lê H có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần V sau:

- Ngày 24/11/2017 bà H ký “Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử”, Ngân hàng cấp tín dụng cho bà H với hạn mức số tiền là 44.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng quy định về mức lãi suất trong vòng 60 ngày kể từ ngày sao kê (ngày đến hạn thanh toán) bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì khoản nợ thẻ đã chuyển sang nợ quá hạn và lãi suất được tính bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Từ khi mở thẻ bà H đã giao dịch với số tiền là 89.130.705 đồng, bà H đã thanh toán được 06 lần tiền với số tiền 51.250.000 đồng tính cả gốc và lãi, tính đến ngày 31/10/2019 đối với thẻ tín dụng này bà H còn nợ cả gốc và lãi là 69.399.991 đồng (gốc là 43.938.761 đồng lãi là 25.461.150 đồng).

- Ngày 20/02/2017 bà H ký hợp đồng tín dụng “Giấy đăng ký vay không TSBĐ phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân” vay số tiền 200.000.000 đồng, ngân hàng giải ngân cho bà H số tiền là 200.000.000 đồng ngày 02/3/2019, bà H đã nhận đủ số tiền, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là sửa nhà, mức lãi suất 32%/năm, lãi suất biến động 03 tháng một lần, trả dần trong vòng 36 tháng, thời gian trả từ ngày 02/4/2017. Đối với hợp đồng này bà H đã thanh toán được 15 lần với số tiền là 90.022.387 đồng tính cả gốc và lãi, tính đến ngày 31/10/2019 đối với hợp đồng tín dụng này bà H còn nợ cả gốc và lãi là 300.524.335 đồng (gốc là 162.312.020 đồng lãi là 138.212.315 đồng).

- Ngày 09/12/2017 bà H ký hợp đồng tín dụng “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử” vay số tiền 65.000.000 đồng, ngân hàng giải ngân cho bà H số tiền là 65.000.000 đồng ngày 15/12/2017, bà H đã nhận đủ số tiền, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất 30.5%/năm, lãi suất biến động 03 tháng một lần, trả dần trong vòng 36 tháng, thời gian trả từ ngày 02/01/2018. Đối với hợp đồng này bà H đã thanh toán được 02 lần với số tiền là 2.830.018 đồng tính cả gốc và lãi. Tính đến ngày 31/10/2019 đối với hợp đồng tín dụng này bà H còn nợ cả gốc và lãi là 114.294.076 đồng (gốc là 63.228.914 đồng lãi là 51.065.162 đồng).

Từ ngày 31/5/2018 bà H không tiếp tục thanh toán cho ngân hàng thêm khoản tiền nào nữa đối với tất cả các hợp đồng tín dụng trên mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng bà H vẫn không thanh toán.

Tính đến ngày 31/10/2019 tổng số tiền bà Trần Thị Lê H còn nợ của Ngân hàng TMCP V là 484.218.322 đồng trong đó tiền vay gốc còn nợ là 269.479.695 đồng, tiền lãi là 214.738.627 đồng. Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Trần Thị Lê H thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ nêu trên, thanh toán một lần và tiền lãi tiếp tục tính theo các hợp đồng các bên đã ký kể từ ngày 01/11/2019 cho đến khi bà H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong “Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử; có ghi tên Hồ Tiến S là anh và Hòa Quang L là bạn bà H “Giấy đăng ký vay không TSBĐ phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân” có ghi tên Nguyễn Văn H1 là bạn bà H và trong “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử” có ghi tên Hồ Tiến S là anh bà H mục đích chỉ để tham chiếu, để thuận

tiện liên lạc, những người nêu trên không ký tên vay tiền. Do đó Ngân hàng TMCP V chỉ yêu cầu bà Trần Thị Lê H trả tiền nợ cho Ngân hàng.

- *Đối với bị đơn bà Trần Thị Lê H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết và yêu cầu bà Trần Thị Lê H có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của Ngân hàng TMCP V nhưng bà H không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Vào ngày 17/9/2019, Tòa án triệu tập bà H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bà H tham gia phiên tòa vào ngày 14/10/2019 và ngày 31/10/2019 nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành và tuân theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bị đơn bà Trần Thị Lê H là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận và ý kiến của Viện kiểm sát Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Ngân hàng TMCP V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Lê H có địa chỉ tại khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương phải trả số tiền vay còn nợ là 484.218.322 đồng phát sinh từ hợp đồng tín dụng vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Trần Thị Lê H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại “Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử”, ngày 24/11/2017; “Giấy đăng ký vay không TSBĐ phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân” ngày 20/02/2017 và “Giấy đăng ký kèm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 09/12/2017 được giao kết giữa Ngân hàng với bà Trần Thị Lê H đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng bà mới thanh toán cho Ngân hàng được 06 lần tiền với số tiền 51.250.000 đồng tính cả gốc và lãi đối với

“Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử”, ngày 24/11/2017; thanh toán 15 lần tiền với số tiền là 90.022.387 đồng tính cả gốc và lãi đối với “Giấy đăng ký vay không TSBĐ phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân” ngày 20/02/2017; thanh toán 02 lần với số tiền là 2.830.018 đồng tính cả gốc và lãi đối với “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 09/12/2017. Kể từ ngày 31/5/2018 cho đến nay bà H không thanh toán tiếp số tiền nợ đến hạn, như vậy bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Lê H phải trả số tiền nợ là 484.218.322 đồng, trong đó tiền vay gốc còn nợ là 269.479.695 đồng, tiền lãi là 214.738.627 đồng là có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày tiếp theo xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D là phù hợp như những phân tích nêu trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Lê H phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Hướng dẫn quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Trần Thị Lê H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Trần Thị Lê H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền là 484.218.322 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm mười tám nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng), trong đó tiền vay gốc còn nợ là 269.479.695 đồng (hai trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng), tiền lãi là 214.738.627 đồng (hai trăm mười bốn triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng) còn nợ phát sinh từ “Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử”, ngày 24/11/2017; “Giấy đăng ký vay không TSBĐ phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, mở và sử

dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân” ngày 20/02/2017 và “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 09/12/2017.

Kể từ ngày 01/11/2019 là ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Lê H phải chịu 23.368.733 đồng (hai mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 10.308.000 đồng (mười triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0028659 ngày 31/5/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã D.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TX D;
- Chi cục THADS TX D;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Minh Châu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

